

Thực trạng việc nội luật hoá Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em tại Việt Nam và những mâu thuẫn đối với một số quan niệm lâu đời về văn hóa gia đình

Chu Quang Nhật¹, Lê Quang Huy²

Ngày nhận bài: 17/3/2026 | Ngày gửi phản biện: 20/3/2026 | Ngày duyệt đăng: 10/4/2026

Tóm tắt: Bài viết phân tích tác động của Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em đối với Luật Trẻ em tại Việt Nam. Nghiên cứu tập trung làm rõ cách thức các nguyên tắc của Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em được nội luật hóa và triển khai trong thực tiễn, đồng thời, thúc đẩy cải cách giáo dục, mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục cho trẻ em. Bài viết cũng chỉ ra khoảng cách giữa quy định luật và việc thực thi luật. Sự khác biệt về văn hóa truyền thống cũng đặt ra một số vấn đề. Điều này phần nào tạo ra những mâu thuẫn trong quá trình thực thi các quyền được quy định trong công ước. Từ đó, bài viết nêu quan điểm, cần có cách tiếp cận linh hoạt nhằm dung hòa giữa các chuẩn mực quốc tế và điều kiện văn hóa - xã hội trong nước, qua đó nâng cao hiệu quả thực thi quyền trẻ em, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục.

Từ khóa: Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em, nội luật hóa, truyền thống, Việt Nam.

The Current State of Domesticating the UN Convention on the Rights of the Child in Vietnam and Conflicts with Long-standing Family Cultural Conceptions

Abstract: This article analyzes the impact of the United Nations Convention on the Rights of the Child (UNCRC) on the Law on Children in Vietnam. The study focuses on clarifying how the principles of the UNCRC are internalized and implemented in practice, while simultaneously promoting educational reforms and expanding access to education for children. The paper also points out the gap between legislation and enforcement. Furthermore, traditional cultural differences pose certain challenges, which partly create contradictions in implementing the rights stipulated in the Convention. Consequently, the article argues for a flexible approach to harmonize international norms with domestic socio-cultural conditions, thereby enhancing the effectiveness of child rights implementation, particularly in the field of education.

Keywords: United Nations Convention on the Rights of the Child (UNCRC), domestication, traditional values, Vietnam.

1. Giới thiệu

Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở châu Á phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em đối với Luật Trẻ em (sau đây gọi là Công ước) vào năm 1990. Công ước đã trở thành một chuẩn mực tham khảo quan trọng để Việt Nam xây dựng pháp luật và các chính sách về quyền trẻ em, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục. Việc Việt Nam sớm áp dụng Công ước thể hiện cam kết trong việc điều chỉnh các chính sách quốc gia phù hợp với các công ước quốc tế, đặc biệt là trong phổ cập giáo dục và giáo dục đặc biệt. Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu, nhưng thực tế cho thấy vẫn còn nhiều thách thức trong việc thúc đẩy thực hiện đầy đủ các quyền dành cho trẻ em ở Việt Nam, trong đó có quyền được giáo dục. Đặc biệt, nhiều hộ gia đình vẫn giữ quan niệm tôn ti truyền thống “trên bảo, dưới nghe”. Quan điểm này ngược với quyền bày tỏ ý kiến và quyền tham gia vào quá trình ra quyết định về các vấn đề

¹ ThS., Trợ giảng Bộ môn Tội phạm học và Khoa học Điều tra tội phạm, Khoa Pháp luật Hình sự, Trường Đại học Luật Hà Nội

² Tác giả liên hệ, Trợ giảng Bộ môn Tư pháp Quốc tế, Khoa Pháp luật Quốc tế, Trường Đại học Luật Hà Nội; Email: Huyquangle65@gmail.com

liên quan, như đã quy định tại Điều 12 và 13 của Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em. Hiện nay, một số quốc gia Đông Á áp dụng Công ước còn mang tính hình thức, chưa thực chất trong việc nội luật hóa chính sách của mình. Trong phạm vi bài viết, các tác giả trình bày: (i) Tổng quan về Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em và thực trạng của việc nội luật hóa các nội dung về giáo dục của Công ước tại Việt Nam; (ii) Phân tích mâu thuẫn giữa các nội dung này với một số quan niệm văn hóa gia đình lâu đời ở Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu lý thuyết phân tích tài liệu là các văn bản pháp luật, bao gồm Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em, luật pháp và chính sách liên quan của Việt Nam. Nghiên cứu cũng phân tích dữ liệu từ các báo cáo, nghiên cứu khoa học và truyền thông nhà nước để đánh giá hiệu quả của chính sách, cung cấp bằng chứng về việc Việt Nam tuân thủ và nêu bật những thành công cũng như thách thức trong việc thực hiện các chính sách giáo dục trẻ em. Phạm vi nghiên cứu về lĩnh vực giáo dục là một quyền cơ bản quan trọng của trẻ em.

3. Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em và tầm quan trọng của nó đối với luật tại Việt Nam

Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em, được ký vào năm 1989, đã đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành các chuẩn mực pháp lý toàn cầu về quyền trẻ em, bao gồm quyền được giáo dục (Nyamutata & Akhta, 2020). Một trong những ví dụ điển hình là nguyên tắc không phân biệt đối xử theo Điều 2 của Công ước. Điều khoản này đã khuyến khích nhiều quốc gia xây dựng các chính sách giáo dục toàn diện để đảm bảo quyền tiếp cận giáo dục bình đẳng. Tại Nam Phi, Công ước đã định hướng các cuộc cải cách giáo dục trở nên bắt buộc và toàn diện, giải quyết bất bình đẳng về chủng tộc và kinh tế xã hội sau thời kỳ phân biệt chủng tộc Apartheid (Ocampo, 2004). Các điều khoản chính của Công ước luôn nhấn mạnh vào sự bình đẳng trong cơ hội giáo dục, phát triển toàn diện và bảo vệ khỏi sự phân biệt đối xử, do đó phản ánh tầm quan trọng của giáo dục như một quyền và công cụ để thúc đẩy phẩm chất con người, sự phát triển con người (Kawaguchi, 2000).

Hầu hết các chuẩn mực của Công ước đều được Việt Nam đảm bảo thực hiện và nội luật hóa như các điều ước và các cam kết quốc tế khác mà Việt Nam là thành viên, được thể hiện trong nội dung Điều 12 Hiến pháp năm 2013 và Điều 3 Luật Điều ước Quốc tế năm 2016 (Trọng, 2026). Cụ thể, các nguyên tắc của Công ước này đã được lồng ghép vào chính sách về trẻ em của Việt Nam trong Luật Trẻ em năm 2016, Luật Giáo dục năm 2019 và các văn bản pháp luật khác, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về quyền trẻ em được nêu ra tại Điều 28-29 Công ước.

Theo góc độ tư pháp quốc tế, nhằm nhấn mạnh nguyên tắc tôn trọng và thực hiện các cam kết quốc tế, Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em cũng là nhân tố góp phần thay đổi triết lý xây dựng văn bản pháp luật và mang lại sự thay đổi cơ bản trong cách tiếp cận quyền trẻ em tại Việt Nam. Cụ thể:

i) Thứ nhất, cam kết của Việt Nam đối với quyền được giáo dục của trẻ em được thể hiện trong Hiến pháp Việt Nam năm 2013. Trước đó, luật pháp Việt Nam chủ yếu xem trẻ em là đối tượng cần được bảo vệ và chăm sóc, Điều 37 và Điều 61 của Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện quyền được giáo dục của trẻ em, phản ánh tinh thần của Điều 28 của Công ước. Điều 37 tạo ra cơ chế bảo vệ sự phát triển toàn diện thông qua giáo dục với đảm bảo sự hỗ trợ của nhà nước, cho sự phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em phù hợp Điều 29 của Công ước. Hiến pháp Việt Nam khẳng định giáo dục là quốc sách hàng đầu, trong đó phổ cập giáo dục tiểu học là bắt buộc để nâng cao dân trí và phát triển nhân cách công dân. Nhà nước ưu tiên đầu tư, tạo điều kiện cho trẻ em học tập, góp phần hoàn thành các mục tiêu phổ cập và phát triển kinh tế (Khôi, 2022). Hơn nữa, sự nhấn mạnh của Hiến pháp vào việc không phân biệt đối xử và bình đẳng giới củng cố sự tính tương thích trong các giá trị pháp luật của Việt Nam đối với các giá trị của Công ước (Hà, 2022). Điều 61 của Hiến pháp công nhận giáo dục là ưu tiên quốc gia trong phát triển nguồn nhân lực và nâng cao trình độ trí tuệ của người dân. Với tinh thần đó, Việt Nam đã phổ cập hệ thống giáo dục từ bậc tiểu học đến trung học phổ thông (Báo Điện tử Chính phủ, 2025), đặc biệt hỗ trợ các nhóm dễ bị tổn thương, bao gồm các dân tộc thiểu số và người khuyết tật (Trang, 2025). Có thể thấy, Việt Nam đã chuyển từ cách tiếp cận mang tính “bảo trợ” sang cách tiếp cận “trao quyền”. Rõ ràng, quyền trẻ em đã được Việt Nam công nhận thông qua Hiến pháp, phù hợp với bốn nguyên tắc cốt lõi của Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em (Không phân biệt đối xử, quyền được sống và phát triển; tôn trọng quan điểm của trẻ em; bảo đảm quyền lợi tốt nhất của trẻ em).

ii) Thứ hai, Công ước cung cấp một tiêu chí về pháp lý toàn diện cho trẻ em, từ đó, Việt Nam xem xét và bổ sung. Luật Trẻ em năm 2016 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong nỗ lực của Chính phủ Việt Nam nhằm hài hòa pháp luật quốc gia với một công ước quốc tế. Cụ thể, Điều 16 và Điều 44 của Luật Trẻ em năm 2016 yêu cầu nỗ lực đảm bảo tất cả trẻ em được đến trường, cung cấp giáo dục tiểu học miễn phí và bắt buộc, giảm tỷ lệ bỏ học, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ tài chính và thúc đẩy giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật, bảo vệ quyền được giáo dục của trẻ em, phù hợp với các nguyên tắc của Điều 23 và Điều 28 của Công ước (Hai, 2020). Hơn nữa, các nguyên tắc tạo môi trường học tập an toàn và hỗ trợ, giải quyết vấn nạn bắt nạt, thúc đẩy tôn trọng bản sắc văn hóa và phát triển toàn diện, như quy định tại Điều 29 của Công ước, cũng được phản ánh tại Điều 44 của Luật Trẻ em.

4. Những vấn đề mâu thuẫn giữa Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em với một số quan niệm lâu đời về văn hóa gia đình

Mặc dù Công ước đã được ký kết bởi Việt Nam và hầu hết các nước trên thế giới, trên thực tế còn tồn tại một số điểm chưa tương thích giữa pháp luật Việt Nam và Công ước. Về khái niệm trẻ em, Điều 1 của Công ước quy định: “Trẻ em là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật quốc gia quy định độ tuổi thành niên sớm hơn.” Quy định này cho thấy Công ước khuyến khích các quốc gia xác lập độ tuổi mà trẻ em được hưởng mức độ quyền và bảo vệ cao nhất là 18 tuổi. Tuy nhiên, Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016 của Việt Nam lại định nghĩa trẻ em là “người dưới 16 tuổi”, thấp hơn đáng kể so với tiêu chuẩn của Công ước. Sự khác biệt này dẫn đến việc một nhóm cá nhân từ 16 đến dưới 18 tuổi tại Việt Nam không được hưởng đầy đủ các cơ chế bảo vệ đặc thù dành cho trẻ em.

Từ góc độ giáo dục, trẻ em trong độ tuổi từ 16 đến 18 vẫn đang trong độ tuổi đi học và chịu sự bảo vệ từ nhà trường và gia đình như trẻ em dưới 16 tuổi. Tuy nhiên, xét từ góc độ tâm lý, đặc biệt trong bối cảnh thời đại số, những cá nhân từ 16 đến 18 tuổi được xem là đã phát triển khá hoàn thiện về mặt nhận thức, có khả năng suy nghĩ độc lập và thực hiện hành vi dựa trên ý chí tự do của bản thân. Nhiều vụ án hình sự hiện nay có liên quan đến thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 16 đến 18. Một ví dụ điển hình là vụ việc tại Long Biên, Hà Nội, trong đó, một thiếu niên trên 16 tuổi đã hành hung một trẻ em 14 tuổi, dẫn đến chết não và tử vong. Người thực hiện hành vi và gia đình của người này cho rằng, hành vi không thể bị xem là mang tính kích động hoặc có trách nhiệm đầy đủ, với lý do thiếu niên chưa đạt đến độ tuổi thành niên (Nam, 2024). Từ ví dụ này có thể thấy rằng, người trong độ tuổi từ 16 đến dưới 18 tuổi (sau đây gọi là người chưa thành niên) có thể chưa có đầy đủ nhận thức như người trưởng thành, nhưng hậu quả từ hành vi của họ vẫn có thể gây nguy hiểm cho xã hội. Nếu người chưa thành niên được hưởng mức độ bảo vệ tương đương với trẻ em, thì mức độ bảo vệ và giáo dục do Nhà nước cung cấp sẽ bị suy giảm đáng kể. Đây là một điểm khác biệt trong cách tiếp cận của pháp luật Việt Nam so với Công ước, đặc biệt trong bối cảnh ngày càng gia tăng số lượng người chưa thành niên liên quan đến các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Theo quan điểm của các tác giả, trước những xu hướng phát triển tâm lý hiện nay và sự tiến bộ trong khả năng tiếp cận thông tin, các quốc gia nên điều chỉnh các yêu cầu về độ tuổi trong việc giáo dục trẻ em nhằm giúp họ nhận thức rõ hơn về mức độ nguy hiểm từ hành vi của mình. Tại Việt Nam, Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 đã được ban hành và đi vào thực thi chính là lời giải. Luật này không chỉ nhằm xử lý vi phạm mà còn đề cao tính nhân văn, giáo dục và phục hồi, đảm bảo nhóm từ 16 đến dưới 18 tuổi vẫn được xử lý dựa trên đặc thù tâm sinh lý mà không cần đồng nhất họ hoàn toàn với khái niệm “trẻ em” của Công ước (Huyền, 2026). Tuy nhiên, Luật này cần tiếp tục hoàn thiện các quy định chi tiết và cơ chế thực thi để bảo đảm hiệu quả áp dụng trên thực tế (Hưng, 2025).

Công ước về Quyền trẻ em không cứng nhắc với truyền thống gia đình ở các nước Đông Á. Công ước luôn khẳng định gia đình là môi trường không thể thiếu để giáo dục trẻ em. Cụ thể, Điều 5 của Công ước quy định: “Các quốc gia thành viên phải tôn trọng trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, hoặc, nếu thích hợp, của các thành viên trong gia đình mở rộng hoặc cộng đồng tập quán, của người giám hộ hợp pháp hoặc những người khác có trách nhiệm pháp lý đối với trẻ em, trong việc giáo dục và hướng dẫn trẻ em một cách đúng đắn trong việc thực hiện các quyền được công nhận trong Công ước này, theo cách phù hợp với khả năng phát triển của trẻ.” Điều này có nghĩa là Công ước luôn công nhận quyền và trách nhiệm của cha mẹ trong việc nuôi dạy con cái theo truyền thống của mỗi quốc gia thành viên (Nyamutata & Akhta, 2020).

Tuy nhiên, lý do dễ nhận thấy nhất cho nhận định trên là trong một số trường hợp, việc cụ thể hoá các quy định của Công ước đôi khi tạo ra những điểm mâu thuẫn giữa các chủ thể có quyền (trẻ em) và cha mẹ, Công ước quy định rằng, trẻ em phải được lắng nghe và tham gia vào các cuộc thảo luận về

quyền của mình và phản đối bất kỳ hành động cưỡng bức nào đối với trẻ em. Điều này dẫn đến việc một số gia đình truyền thống ở một số quốc gia trên thế giới, với quan điểm rằng, gia đình là nơi các quyết định được đưa ra thông qua người lớn, có sự hiểu sai lệch về khuôn khổ của Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em. Một trong những ví dụ điển hình nhất về sự bất ổn này là vấn đề ly hôn và bạo hành trẻ em. Trong các thủ tục ly hôn, trẻ em luôn chỉ được coi là một trong những bên tham gia vào việc phân chia tài sản của cha mẹ. Rất ít các quốc gia có cơ chế bảo vệ pháp lý có thể cung cấp tư vấn tâm lý và pháp lý cho trẻ em trong và sau giai đoạn này (Thông tấn xã Việt Nam, 2026). Hầu hết các tòa án chỉ thu thập thông tin và lắng nghe cha mẹ, hoặc đưa ra quyết định dựa trên tình hình tài chính của trẻ em. Tại Việt Nam, mặc dù có điều khoản quy định rằng, trẻ em cần được lắng nghe ý kiến trong quá trình bố mẹ ly hôn, nhưng đây chỉ là một trong những yếu tố được xem xét để xác định ai sẽ là người giám hộ của trẻ.

Một điểm quan trọng thường bị bỏ qua là Công ước không trao cho trẻ em đầy đủ các quyền như người lớn; những quyền này được xác định theo mức độ trưởng thành của trẻ. Nguyên tắc cơ bản của Công ước là chuyển đổi khái niệm “quyền tuyệt đối của cha mẹ” trong việc nuôi dạy con cái (khả năng làm bất cứ điều gì cha mẹ cho là đúng) thành “quyền của cha mẹ đối với con cái. “Điều này có nghĩa là Công ước coi trẻ em là chủ thể độc lập có các quyền con người cơ bản, được ghi trong hầu hết các hiến pháp trên thế giới: quyền con người, quyền bày tỏ ý kiến, và quyền bất khả xâm phạm thân thể và danh dự (UNICEF, 2019). Do đó, Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em được điều chỉnh bởi các nguyên tắc tương tự như hầu hết các luật quốc gia; tuy nhiên, việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế thường bị hiểu sai là trao quyền cho trẻ em, vô tình làm giảm quyền của cha mẹ. Chính sự hiểu sai này đã tạo ra sự mâu thuẫn rất lớn đối với việc thực thi pháp luật.

5. Kết luận

Nhìn chung, việc Việt Nam tuân thủ Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em đã ảnh hưởng đáng kể đến chính sách giáo dục trẻ em, cho thấy tầm quan trọng của việc điều chỉnh hệ thống giáo dục quốc gia phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Trường hợp Việt Nam cho thấy, các thỏa thuận, điều ước quốc tế có thể là nhân tố thúc đẩy cải cách trong nước (Hai, 2020). Cam kết của Việt Nam đối với các nguyên tắc của Công ước thể hiện sự thừa nhận, giáo dục là một quyền cơ bản của con người và mục tiêu thúc đẩy sự tiếp cận, tính toàn diện và chất lượng giáo dục cho tất cả trẻ em. Những nỗ lực được thực hiện thông qua luật pháp, kế hoạch hành động quốc gia và các chương trình cụ thể phản ánh quyết tâm của Việt Nam trong việc cung cấp giáo dục chất lượng cho tất cả trẻ em, bao gồm cả các dân tộc thiểu số và trẻ em khuyết tật. Tuy nhiên, bất chấp những thành tựu, vẫn còn những thách thức, đặc biệt là trong việc khắc phục sự chênh lệch vùng miền, cải thiện cơ sở hạ tầng và đảm bảo đủ nguồn lực cho các dịch vụ giáo dục chất lượng, đặc biệt là ở các vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa (Thanh, 2024). Đồng thời, sự khác biệt giữa các chuẩn mực quốc tế và giá trị gia đình truyền thống ở Việt Nam và các nước Đông Á khác, thường vấp phải sự phản kháng của thế hệ lớn tuổi. Giải quyết những thách thức này đòi hỏi Việt Nam cần tiếp tục nỗ lực đảm bảo mọi trẻ em Việt Nam đều có cơ hội bình đẳng để phát triển thông qua giáo dục. Để đạt được tầm nhìn này, sự phối hợp nỗ lực của chính phủ, cá nhân và các tổ chức là vô cùng cần thiết.

Tài liệu tham khảo

1. Báo Điện tử Chính phủ. (2025). *Bộ Chính trị quyết định miễn học phí cho học sinh từ mầm non đến hết THPT công lập*. Báo Điện tử Chính phủ - Xây dựng Chính sách pháp luật. Truy cập <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/bo-chinh-tri-quiet-dinh-mien-hoc-phi-cho-hoc-sinh-pho-thong-cong-lap-11925022817591807.htm>
2. Hung, N. Đ. (2025). *Một số quy định cơ bản của Luật Tư pháp người chưa thành niên và phương hướng đảm bảo hiệu quả thi hành trong thực tiễn*. Trường Đại học Cảnh sát nhân dân. Truy cập <https://dhcsnd.edu.vn/mot-so-quy-dinh-co-ban-cua-luat-tu-phap-nguoi-chua-thanh-nien-va-phuong-huong-dam-bao-hieu-qua-thi-hanh-trong-thuc-tien>
3. Huyền, P. T. (2026). *Luật Tư pháp người chưa thành niên: Bước tiến trong bảo đảm quyền con người của người chưa thành niên*. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Truy cập <https://vass.gov.vn/bai-nghien-cuu-khxh/luat-tu-phap-nguoi-chua-thanh-nien-buoc-tien-trong-bao-dam-quyen-con-nguoi-cua-nguoi-chua-thanh-nien-562194>

4. Khôi, H. M. (2022). *Hiến pháp năm 2013 với việc bảo vệ quyền của trẻ em*. Viện Nghiên cứu Pháp luật phía Nam, 13/01/2022. Truy cập <https://www.nghiencuuphapluat.vn/hien-phap-nam-2013-voi-viec-bao-ve-quyen-cua-tre-em/>
5. Nam, H. (2024). *Vụ nam sinh lớp 8 ở Long Biên bị đánh tử vong: HDXX chất vấn bố bị cáo*. Báo Điện tử Dân trí ngày 17/12/2024. Truy cập <https://dantri.com.vn/phap-luat/vu-nam-sinh-lop-8-o-long-bien-bi-danh-tu-vong-hdxx-chat-van-bo-bi-cao-20241217115716946.htm>
6. Quốc hội (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. Truy cập <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/toan-van-hien-phap-nuoc-cong-hoa-xa-hoi-chu-nghia-viet-nam-119231225213002261.htm>
7. Quốc hội (2016). *Luật Điều ước quốc tế 2016*. Truy cập <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=184571>
8. Quốc hội (2016). *Luật Trẻ em 2016*. Truy cập <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=184566>
9. Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục 2019*. Truy cập <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=197310>
10. Thanh, Q. (2024). *Thực trạng và kiến nghị trong việc bảo đảm quyền học tập của trẻ em dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Tạp chí Xây dựng Đảng ngày 09/4/2024. Truy cập <https://www.xaydungdang.org.vn/nhan-quyen-va-cuoc-song/thuc-trang-va-kien-nghi-trong-viec-bao-dam-quyen-hoc-tap-cua-tre-em-dan-toc-thieu-so-o-viet-nam-18975>
11. Thông tấn xã Việt Nam. (2026). *EU cảnh báo 'khoảng trống pháp lý' trong bảo vệ trẻ em trên không gian mạng*. Tạp chí Luật sư Việt Nam. Truy cập <https://lsvn.vn/eu-can-hao-khoang-trong-phap-ly-trong-bao-ve-tre-em-tren-khong-gian-mang-a170520.html>
12. Trang, T. (2025). *Khởi công đồng loạt trường học vùng biên: Sẽ là mô hình mẫu về cơ sở vật chất, tổ chức giáo dục, quản lý, vận hành*. Báo Chính phủ ngày 08/11/2025. Truy cập <https://baochinhphu.vn/khoi-cong-dong-loat-100-truong-hoc-vung-bien-se-la-mo-hinh-mau-ve-co-so-vat-chat-to-chuc-giao-duc-quan-li-van-hanh-102251108084753976.htm>
13. Trọng, P. Đ. (2026). *Một số vấn đề về nội luật hoá quy định của điều ước quốc tế trong xây dựng pháp luật hình sự góp phần thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW trong giai đoạn hiện nay*. Tạp chí Pháp lý ngày 12/01/2026. Truy cập <https://phaply.net.vn/mot-so-van-de-ve-noi-luat-hoa-quy-dinh-cua-dieu-uoc-quoc-te-trong-xay-dung-phap-luat-hinh-su-gop-phan-thuc-hien-nghi-quyet-so-66-nqtw-trong-giai-doan-hien-nay-a260728.html>
14. Hà, Đ. Đ. (2022). The Implementation of Laws and Policies on Children in Vietnam: Facts and Solutions. *International Journal of Scientific and Management Research*, 104.
15. Hai, N. X. (2020). Policies on Inclusive Education for Children with Disabilities in Vietnam. *American Scientific Research Journal for Engineering, Technology, and Sciences*, 164.
16. Kawaguchi, A. (2000). The Rights of the Child and Education in Japan in the Light of the United Nations Convention. *Prospects (Paris)* , 498.
17. Nyamutata, C., & Akhta, R. (2020). *International Child Law*. London: Routledge.
18. Ocampo, M. L. (2004). *A Brief History of Educational Inequality from Apartheid to the Present*. University of Stanford. Accessed https://web.stanford.edu/~jbaugh/saw/Lizet_Education_Inequity.html
19. UNICEF (2019). *Four principles of the Convention on the Rights of the Child*. UNICEF. Accessed <https://www.unicef.org/armenia/en/stories/four-principles-convention-rights-child>
20. UNICEF (n.d). *Convention on the Rights of the Child text*. Accessed <https://www.unicef.org/child-rights-convention/convention-text>